



(Đề gồm có 02 trang)

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi: Ngữ văn (chung)

Thời gian: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: .../.../2025

I. ĐỌC HIỂU: (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

KHÔNG CÓ GÌ TỰ ĐẾN ĐÂU CON

Không có gì tự đến đâu con
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
Mùa bội thu trải một nắng hai sương.

Không có gì tự đến, dẫu bình thường
Phải bằng cả đôi tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kì.

Dẫu bây giờ bố mẹ - đôi khi
Có nặng nhẹ yêu thương và giận dỗi
Có roi vọt khi con hư và dối
Thương yêu con đâu đồng nghĩa với chiều.

Đường con đi dài rộng rất nhiều
Năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng
Trời xanh đầy nhưng chẳng bao giờ lặng
Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.

Chẳng có gì tự đến - Hãy định ninh.

(Nguyễn Đăng Tấn, *Lời ru vầng trăng*,
Nhà xuất bản Lao động, 2000, trang 42)

Thực hiện các yêu cầu:

* Thí sinh chọn một phương án đúng và ghi vào Giấy làm bài (Ví dụ: 1A, 2C,...)

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát. B. Tự do.
C. Thất ngôn. D. Ngũ ngôn.

Câu 2 (0,5 điểm). Bài thơ gieo vần theo cách nào?

- A. Vần cách, vần chân. B. Vần liền, vần chân.
C. Vần cách, vần lưng. D. Vần liền, vần lưng.

Câu 3 (0,5 điểm). Lời thơ trong bài thơ là lời của

A. người bố dặn dò con.

B. người bố dặn dò mẹ.

C. người mẹ dặn dò bố.

D. người con dặn dò chính mình.

Câu 4 (0,5 điểm). Tác giả sử dụng hình ảnh nào để khẳng định “không có gì tự đến”?

A. Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa.

B. Có nặng nhẹ yêu thương và giận dỗi

C. Đường con đi dài rộng rất nhiều.

D. Trời xanh đầy nhưng chẳng bao giờ lặng.

*** Trả lời các câu hỏi/yêu cầu sau:**

Câu 5 (0,75 điểm). Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ “Không có gì tự đến” trong bài thơ.

Câu 6 (0,75 điểm). Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của dòng thơ “Trời xanh đầy nhưng chẳng bao giờ lặng” trong bài thơ?

Câu 7 (0,75 điểm). Giả sử phải nêu một điều em tâm đắc khi đọc hiểu bài thơ, em sẽ nêu điều gì? Vì sao?

Câu 8 (0,75 điểm). Từ lời dặn “Chỉ có con mới nâng nổi chính mình” trong bài thơ, là một người con, em cần có nhận thức và hành động như thế nào? (viết khoảng từ 5 đến 7 câu)

II. VIẾT: (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết: “Là học sinh, em phải làm thế nào để vượt qua những khó khăn trong học tập?”.

----- **HẾT** -----



** Thí sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

** Họ và tên thí sinh: Số báo danh:*

I. Đọc hiểu (5.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	B	0,5
2	B	0,5
3	A	0,5
4	A	0,5
5	Tác dụng: - Tạo âm hưởng cho lời thơ, kết nối mạch thơ. - Nhấn mạnh ý: Mọi thứ trong cuộc sống không tự nhiên mà có, mà phải trải qua quá trình nỗ lực và cố gắng.	0,75
6	Ý nghĩa của dòng thơ: Người bố ngầm dặn dò con: + Cuộc sống không phải lúc nào cũng bình yên, thuận lợi mà luôn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thử thách. + Con cần phải nỗ lực để đối mặt với điều đó.	0,75
7	Đảm bảo các yêu cầu sau: - Điều tâm đắc xuất phát từ nội dung bài thơ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật; gây ấn tượng về cảm xúc, có tác động sâu sắc về nhận thức. - Giải thích ngắn gọn, hợp lí, thuyết phục.	0,75
8	Đảm bảo các yêu cầu sau: - Nêu nội dung nhận thức và hành động phù hợp với yêu cầu của câu hỏi, với lứa tuổi và đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật. - Hình thức: Viết đảm bảo dung lượng, diễn đạt ý rõ ràng.	0,75

II. Viết (5.0 điểm)

Tiêu chí	Nội dung, yêu cầu cần đạt	Điểm
a. Đảm bảo yêu cầu về bố cục	Bố cục: mở bài, thân bài, kết bài	0,5
b. Đảm bảo về phương pháp viết bài văn nghị luận giải quyết vấn đề trong đời sống	- Triển khai lập luận mạch lạc, chặt chẽ; - Biết nêu luận điểm; lựa chọn lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu; sử dụng kết hợp lí lẽ và bằng chứng để giải quyết vấn đề một cách thuyết phục.	1.0

Thí sinh có thể trình bày nhiều cách việc phân tích, giải quyết vấn đề nêu trong đề bài. Sau đây là gợi ý về một hướng giải quyết vấn đề.	3.5	
Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận	Nêu và xác định đúng vấn đề nghị luận: Giải pháp để vượt qua khó khăn trong việc học tập hiện nay.	0.25
Thân bài: - Giải thích vấn đề.	- Khó khăn của học sinh trong việc học tập là những trở ngại, áp lực đối với việc học tập. - Biểu hiện: kiến thức rộng, đòi hỏi năng lực tự chủ, tự học; thiếu phương pháp học tập; mất cân bằng giữa học tập và các vấn đề cá nhân; áp lực từ gia đình, nhà trường... - Vượt qua khó khăn là sự nỗ lực tìm kiếm các giải pháp hiệu quả để đối diện và xử lý các khó khăn, trở ngại đó.	0.5
-Phân tích vấn đề (Sự cần thiết phải vượt qua khó khăn trong việc học tập)	- Trong thực tế, học sinh luôn gặp khó khăn trong việc học tập ở những mức độ, hình thức, biểu hiện đa dạng. - Hậu quả: Trạng thái tinh thần căng thẳng, mệt mỏi, chán nản; ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và kết quả học tập. - Vượt qua khó khăn giúp học sinh tự tin, tinh thần vững vàng, hình thành được các phẩm chất, năng lực cần thiết.	1.0
- Trình bày, phân tích các giải pháp	- Xác định rõ nguồn gốc của khó khăn trong học tập để đưa ra các giải pháp giải quyết phù hợp, hiệu quả. - Lập kế hoạch cụ thể, nên nêu các mục tiêu nhỏ và dễ thực hiện; đánh giá kết quả, thấy được sự tiến bộ, từ đó tạo động lực vượt khó cho bản thân. - Tìm kiếm sự giúp đỡ từ thầy cô, bạn bè và gia đình. - Trong các giải pháp trên, việc xác định rõ nguồn gốc của khó khăn trong học tập được coi là bước quan trọng nhất.	1.0
- Nhấn mạnh giải pháp quan trọng.	- Ý kiến trái chiều: Học sinh chưa cần quá nghiêm túc hoặc đề cao việc vượt qua các khó khăn trong học tập, bởi tuổi học trò là thời gian để vui chơi và khám phá.	0.5
- Ý kiến trái chiều và phản bác.	- Phản bác: Học cách vượt qua khó khăn trong học tập không chỉ để học sinh chiếm lĩnh kiến thức mà còn là cơ hội để học sinh trải nghiệm, rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.	
Kết bài:	- Vượt qua khó khăn trong học tập nói riêng, trong cuộc sống nói chung là việc làm cần thiết; - Việc nhận diện khó khăn, đề xuất cách giải quyết như lập kế hoạch, tìm kiếm sự hỗ trợ, quản lý cảm xúc và kiên trì theo đuổi mục tiêu ... sẽ là nền tảng để các em phát triển bản thân, trưởng thành trong cuộc sống.	0.25
c. Diễn đạt: Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		0.25
d. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần giải quyết; đề xuất các giải pháp mới mẻ, hợp lí, thuyết phục		0.25

--- HẾT ---